

NGŨ VĂN 7

Các em học sinh thân mến, bắt đầu từ hôm nay chúng ta sẽ tham gia học trên trang web của trường.

- Các em sẽ xem, tìm hiểu và ghi lại bài học vào tập; làm các bài tập theo yêu cầu.
- Đối với chủ đề văn bản, các em đọc văn bản, chú thích ở SGK để nắm được văn bản trước khi ghi bài.
- Cố gắng thực hiện phần Luyện tập đến mức nhiều nhất có thể.
- Các em có thể tìm hiểu, tham khảo các bài giảng trên internet (nếu có thể) để củng cố kiến thức.

Dưới đây là phần bài ghi và yêu cầu bài tập. Chúc các em đạt hiệu quả cao nhất trong việc học tập ở nhà!

TUẦN 23

CÂU ĐẶC BIỆT

I. Thế nào là câu đặc biệt?

VD: SGK/ 27

-Ôi, em Thủy!

→ Câu không thể có CN-VN

→ Câu đặc biệt

Ghi nhớ SGK / 28

II. Tác dụng của câu đặc biệt

-Một đêm mùa xuân.

→ *Xác định thời gian*

-Tiếng reo. Tiếng vỗ tay.

→ *Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng*

-Trời ơi!

→ *Bộc lộ cảm xúc*

-Sơn! Em Sơn! Sơn ơi! Chị An ơi!

→ *Gọi đáp*

Ghi nhớ SGK / 29

*** Lưu ý: Các em phân biệt câu rút gọn và câu đặt biệt**

So sánh hai ví dụ sau:

– Câu đặc biệt: *Chửi. Kêu. Đám. Đá. Thụi. Bịch.*

– Câu rút gọn: *Bà ta chạy tới. Chửi. Kêu. Đám. Đá. Thụi. Bịch.*

Qua sự so sánh ta thấy:

– Câu đặc biệt là câu không có chủ ngữ và vị ngữ, hay nói cách khác đây là câu không thể khôi phục được chủ ngữ và vị ngữ.

– Câu rút gọn là câu có thể dựa vào hoàn cảnh giao tiếp để khôi phục lại một cách chính xác thành phần đã bị rút gọn. Với câu rút gọn ở trên, ta có thể khôi phục lại thành những câu đầy đủ như sau:

Bà ta chạy tới. Bà chửi. Bà kêu. Bà đám. Bà đá. Bà thụi. Bà bịch.

III. Luyện tập : các em làm BT SGK/29

BT1. SGK/29

BT2 SGK/29

BT3 SGK/29

Tham khảo đoạn văn BT3:

Quê hương! Đối với tôi là niềm tự hào khi được sinh ra và lớn lên ở mảnh đất này. Bởi vì, nơi ấy có dòng sông tuyệt đẹp, có hàng dừa soi bóng, có đàn cá tung tăng bơi lội. Xa xa, ta nghe tiếng suối chảy róc rách như tiếng đàn điệu êm. Thật tuyệt vời! Khi có một ai nhắc đến quê hương tôi.

.....

Tự học có hướng dẫn

THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU

THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU (tiếp theo)

I. Đặc điểm của trạng ngữ

Ví dụ: SGK/39

- Dưới bóng tre xanh

→ Chỉ nơi chốn

- ... đời đời, kiếp kiếp

-...đã từ lâu đời

- ... từ nghìn đời nay

→ chỉ thời gian

Ví dụ ngoài SGK

- *Như một luồng gió lốc*, bốn chiếc máy bay nối đuôi nhau ào tới.

→TN cách thức

-*Bằng ngòi bút của mình*, Đỗ Phủ đã sáng tác nên những bài thơ xúc động.

→TN phương tiện

- *Nhằm xây dựng đất nước*, Đảng và Nhà nước đã đưa ra nhiều chính sách kinh tế quan trọng

→ TN mục đích

- *Vì ốm*, Nam phải nghỉ học 3 ngày.

→ Nguyên nhân

⇒ ***trạng ngữ bổ sung những ý nghĩa về thời gian, không gian, phương tiện, cách thức, mục đích, nguyên nhân...***

⇒ Có thể chuyển trạng ngữ trong câu theo những vị trí khác nhau

Ghi nhớ SGK / 39

II. Công dụng của trạng ngữ

VD: SGK/45

a. - Thường thường vào khoảng đó... → Trạng ngữ thời gian

- Sáng dậy... → thời gian

- Trên giàn thiên lí... → địa điểm

- Chỉ độ tám chín giờ sáng → thời gian

- trên nền trời trong trong → Nơi chốn.

⇒ Để nối kết các câu làm đoạn văn mạch lạc

b) Về mùa đông,...

→ Bổ sung thông tin làm câu đầy đủ ý nghĩa

Ghi nhớ SGK / 46

III. Luyện tập : Các em làm BT1/47

Bài 1 SGK/47

Gợi ý:

1. Nêu công dụng của trạng ngữ trong các đoạn đã cho:

a) Trạng ngữ: “*kết hợp những bài này lại*” chỉ cách thức diễn ra sự việc

Trạng ngữ: “*ở loại bài thứ nhất*” chỉ nơi chốn

Trạng ngữ: “*ở loại bài thứ hai*” chỉ nơi chốn

b) Trạng ngữ: “*Lần đầu tiên chập chững bước đi*” chỉ thời gian.

Trạng ngữ: “*Lần đầu tập bơi*” chỉ thời gian

Trạng ngữ: “*Lần đầu tiên chơi bóng bàn*” chỉ thời gian.

Trạng ngữ: “*Lúc còn học phổ thông*” chỉ thời gian.

.....

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH

I. Mục đích và phương pháp chứng minh

Học sinh đọc phần I và trả lời câu hỏi SGK/ 41, 42

****Trong đời sống:** người ta dùng sự thật (chứng có xác thực) để chứng tỏ một điều gì đó là đáng tin

→ Chứng minh

****Trong văn nghị luận:** người ta chỉ dùng lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định một nhận định, một ý kiến nào đó là đúng, là đáng tin cậy

VD: “Đừng sợ vấp ngã”

a/Luận điểm: “Đừng sợ vấp ngã”

-Câu mang luận điểm: “**Vậy xin bạn chớ lo sợ thất bại.**”

b/ Luận cứ

- **Lí lẽ:** Đã bao lần bạn vấp ngã mà không hề nhớ
- Dẫn chứng 1: Lần đầu tiên bạn... trúng bóng không?
- Dẫn chứng 2: Oan- đi- xây...
- Dẫn chứng 3: Lúc còn học...
- Dẫn chứng 4: Lép- Tôn-xtôi...
- Dẫn chứng 5: Hen-ry Pho...
- Dẫn chứng 6: Ca sĩ ô- pê- ra ...

c/ Lập luận CM:

- Nêu luận điểm: “Đã bao lần... không hề nhớ”.
 - Dùng lí lẽ, nêu một số dẫn chứng về việc bị vấp ngã trong đời sống: Bị ngã, tập bơi, đánh bóng...
 - Nêu dẫn chứng về cuộc đời của 5 danh nhân thế giới cũng bị vấp ngã.
 - Kết luận: Bài viết nêu ra cái đáng sợ hơn vấp ngã là sự thiếu cố gắng.
- **Phép lập luận chứng minh:** Dùng lí lẽ, dẫn chứng chân thực để chứng tỏ luận điểm cần được chứng minh là đáng tin cậy

Ghi nhớ SGK / 42

II. Các bước làm bài văn lập luận chứng minh

Đề: Nhân dân ta thường nói “Có chí thì nên”. Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó

Có 4 bước làm bài:

1. Tìm hiểu đề – Tìm ý

- Yêu cầu: chứng minh tư tưởng của câu tục ngữ là đúng đắn
- Tính chất: khuyên nhủ
- Vấn đề: sự kiên trì, cố gắng sẽ dẫn đến thành công
- Đối tượng: Tất cả mọi người.
- Phạm vi: cuộc sống, xã hội...
- Khuynh hướng tư tưởng: khẳng định (Vai trò, ý nghĩa to lớn của “chí” trong cuộc sống).
- Lập luận:
- + Nêu dẫn chứng xác thực,

+ Nêu lí lẽ

2. Lập dàn bài: xem SGK/49

A. Mở bài: Nêu luận điểm cần được chứng minh

B. Thân bài: Dùng lí lẽ+dẫn chứng

C. Kết bài: Ý nghĩa đúc kết, bài học rút ra

3. Viết bài

- **MB:** nhiều cách

+ Đi thẳng vào vấn đề.

+ Suy từ cái chung đến cái riêng.

+ Suy từ tâm lí con người.

- **TB**

+ Từ ngữ chuyển đoạn

+ Viết đoạn phân tích lí lẽ

+ Viết đoạn nêu dẫn chứng

- **KB:**

+ Có thể sử dụng từ ngữ chuyển đoạn.

+ Nêu hô ứng với phần MB.

4. Đọc lại và sửa chữa (nếu có)

Ghi nhớ SGK / 50

.....

Văn bản

ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ

Phạm Văn Đồng

I. Đọc-tìm hiểu chú thích:

1. Tác giả:

Phạm Văn Đồng (học SGK/54)

2. Tác phẩm:

- Xuất xứ: SGK/54
- Thể loại: văn nghị luận.

II. Đọc-hiểu văn bản:

Luận điểm: Đức tính giản dị của Bác Hồ.

- Bố cục: 2 phần (mở bài, thân bài)

Không có kết luận vì đây là đoạn trích.

1. Mở bài: (Điều rất quan trọng → tuyệt đẹp)

Sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn.

2. Thân bài: (con người của Bác → anh hùng cách mạng)

Chứng minh sự giản dị của Bác:

a. Trong đời sống:

- Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn.
- Cái nhà sàn chỉ có vài ba phòng hòa cùng thiên nhiên.

b. Trong cách làm việc và quan hệ với mọi người:

- Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc, từ việc rất lớn đến việc rất nhỏ.
- + Việc cứu nước cứu dân
- + Trồng cây trong vườn
- + Viết thư cho một đồng chí
- + Nói chuyện với các cháu miền Nam
- + Thăm nhà tập thể của công nhân...
- Việc gì Bác làm được thì không nhờ người giúp.

c. Trong lời nói và bài viết:

- Bác rất giản dị trong lời nói, bài viết:

“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”

“Nước Việt Nam... không bao giờ thay đổi”

+ Dẫn chứng phong phú, cụ thể, toàn diện.

+ Lí lẽ bình luận ngắn gọn, sâu sắc, thuyết phục kết hợp với giải thích.

→ Đời sống vật chất giản dị hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú; tư tưởng và tình cảm cao đẹp.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ SGK / 55

IV. LUYỆN TẬP:

Các em làm bài tập sau

- 1. Một số ví dụ trong thơ văn chứng minh sự giản dị của Bác.*
- 2. Qua văn bản này, em hiểu thế nào là đức tính giản dị? Ý nghĩa của nó trong cuộc sống?*

Chúc các em học tốt!

